

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16 /2015/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 04 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5
	Ngày: 12/3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định về tiêu chí, thang bảng điểm, quy trình chấm điểm và xếp hạng các cụm, khối thi đua trong tỉnh Lâm Đồng;

2. Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cơ quan Đại diện phía Nam (Ban TĐKT Trung ương);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Các ban Đảng, Mặt trận và đoàn thể thuộc tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở, ban, ngành, doanh nghiệp, đơn vị trong tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị TW trên địa bàn tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2015/QĐ-UBND
ngày 04/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhằm triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng phù hợp với thực tế của địa phương, góp phần đưa Lâm Đồng phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Công tác thi đua khen thưởng nêu trong quy định này bao gồm: nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn thi đua; các loại hình khen thưởng, hình thức và tiêu chuẩn khen thưởng; thư động viên, thư khen; tặng thưởng công trình phúc lợi; tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, tập thể người Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam lập thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Thông tư 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

Chương II

**CÔNG TÁC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA
VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

Mục I

CÔNG TÁC THI ĐUA

Điều 4. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị, chương trình công tác trọng tâm, trọng điểm của sở, ban ngành, huyện, thành phố, đơn vị, doanh

nghiệp; đồng thời đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của đại đa số cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ, người lao động và nhân dân địa phương.

2. Tổ chức phong trào thi đua phải thực hiện đầy đủ các bước: phát động thi đua, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua; chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào thi đua; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến. Kịp thời động viên khen ngợi để thúc đẩy phong trào thi đua và bình xét công khai, dân chủ thi đua, khen thưởng; sơ kết, tổng kết tuyên dương, khen thưởng.

Điều 5. Đăng ký thi đua

1. Đầu năm công tác hoặc đầu năm học (đối với ngành Giáo dục và Đào tạo) các đơn vị tổ chức cho tập thể, cá nhân do mình quản lý đăng ký bằng văn bản chương trình, nội dung thi đua; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; đăng ký đề tài khoa học, đề án, dự án, giải pháp công tác quản lý;

Đối với người dân, người lao động làm việc trong các tổ hợp tác, hợp tác xã,... việc đăng ký thi đua do các tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia là thành viên tổ chức và thực hiện.

2. Hàng năm các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị gửi bản đăng ký thi đua đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hạn trước ngày 15 tháng 3; riêng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Giáo dục - Đào tạo gửi bản đăng ký thi đua theo năm học và gửi trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 6. Phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Giám đốc, thủ trưởng các sở, ban ngành và đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng các điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích trong lao động sản xuất, trong thực hiện công tác xã hội,...

2. Các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, giới thiệu các điển hình tiên tiến và các "Gương người tốt, việc tốt" để góp phần nhân rộng điển hình tiên tiến.

Mục III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân bao gồm: "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể bao gồm: "Tổ dân phố văn hóa", "Thôn văn hóa", "Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh", "Cờ thi đua của Chính phủ".

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là "Gia đình văn hóa".

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm công tác, làm việc (hoặc năm học).

Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị (tổ chức mà thủ trưởng được thẩm quyền công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến) để công nhận số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” theo tỷ lệ dưới đây:

- Đối với các đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (các chỉ tiêu thi đua đều vượt mức); tỷ lệ không quá 90%;

- Đối với các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ (100% chỉ tiêu thi đua đạt kế hoạch); tỷ lệ không quá 70%;

- Đối với các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ (80% chỉ tiêu thi đua đạt kế hoạch); tỷ lệ không quá 60%.

Khi bình xét cần lưu ý đến một số trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trên 10 tháng làm việc, sau đó nghỉ hưu cũng là đối tượng được bình xét danh hiệu thi đua nếu đủ tiêu chuẩn khen thưởng.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” xét cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định 65/2014/NĐ-CP. Tỷ lệ “Chiến sĩ thi đua cơ sở” chung cho toàn tỉnh không quá 15% tổng số cá nhân đạt “Lao động tiên tiến”;

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) xây dựng Đề án, làm việc với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan trong tỉnh để cơ cấu tỷ lệ “Chiến sĩ thi đua cơ sở” giữa các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh cho phù hợp.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” xét cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP. Việc đề nghị công nhận cá nhân danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải quan tâm đến người lao động trực tiếp và lựa chọn không quá 30% trong số các cá nhân tiêu biểu 3 lần liên tục đạt “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của cơ quan, địa phương, đơn vị.

Đối với các cơ quan có nhiều cá nhân có sáng kiến, đề tài, đề án, dự án có tác dụng ảnh hưởng đối với tỉnh được cấp có thẩm quyền công nhận, số lượng đề nghị công nhận cần thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi trình.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 3, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt “Tập thể lao động tiên tiến” theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; các tập thể là đối tượng được công nhận quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

- Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các sở, ban ngành, đoàn thể, huyện, thành phố, đơn vị trong năm công tác (hoặc năm học) thực hiện theo tỉ lệ sau:

- + Được tặng cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương thì số đơn vị trực thuộc đề nghị công nhận “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% trong tổng số đơn vị được công nhận “Tập thể lao động tiên tiến”;

- + Được tặng Bằng khen của UBND tỉnh hoặc Bộ, Ban ngành, đoàn thể Trung ương thì số đơn vị trực thuộc đề nghị công nhận “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% trong tổng số đơn vị được công nhận “Tập thể lao động tiên tiến”;

- + Các trường hợp còn lại không quá 20% trong tổng số đơn vị được công nhận “Tập thể lao động tiên tiến”.

c) Danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”:

Danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” được xét tặng hàng năm, tiêu chuẩn quy định tại Điều 30, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Quyết định ban hành kèm theo Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương của UBND tỉnh.

d) Cờ thi đua của UBND tỉnh:

Tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Các Cụm, Khối thi đua trong năm kế hoạch: quý I tổ chức ký kết giao ước thi đua; tháng 6 tổ chức sơ kết hoạt động Cụm, Khối; tháng 12 họp bình xét khen thưởng, đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua.

đ) Cờ thi đua của Chính phủ:

Tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Chính phủ quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; những đơn vị được đề nghị xét tặng là những tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của các Cụm, Khối thi đua và được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thống nhất đề xuất.

3. Đối với hộ gia đình:

Danh hiệu “Gia đình văn hóa” ở xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Điều 29, Luật Thi đua, khen thưởng 2003 và Quyết định ban hành Quy

chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

UBND cấp xã căn cứ tiêu chuẩn khen thưởng xem xét, lựa chọn những hộ có thành tích thật sự tiêu biểu toàn diện trong cộng đồng dân cư của địa phương để công nhận “Gia đình văn hóa tiêu biểu” trong sổ hộ “Gia đình văn hóa” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Chương III

CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG, HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục I

CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 9. Các loại hình khen thưởng

1. Các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; trong chiến đấu, lao động, công tác và học tập góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội sẽ được xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Khi tổng kết các phong trào thi đua chuyên đề hoặc các cuộc vận động, chương trình công tác trong phạm vi của ngành, lĩnh vực, huyện, thành phố thuộc tỉnh, thủ trưởng cơ quan Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền; đồng thời xét chọn những trường hợp có thành tích xuất sắc, nổi trội để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

- Khi tổ chức phong trào thi đua chuyên đề trong phạm vi của ngành, lĩnh vực hoặc huyện, thành phố thuộc tỉnh có thời gian từ 3 năm trở lên các cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh gửi kế hoạch tổ chức phát động và đăng ký thi đua đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để được và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Các sở, ban, ngành và đoàn thể thuộc tỉnh khi đề nghị khen thưởng chuyên đề phải có văn bản chấp thuận của Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Sơ kết, tổng kết chương trình công tác, các cuộc vận động của đoàn thể trung ương hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo.

+ Sơ kết, tổng kết thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị của cấp có thẩm quyền ở Trung ương.

3. Các tập thể, cá nhân người nước ngoài, tổ chức quốc tế có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sẽ được xét khen thưởng.

Các cơ quan, địa phương, đơn vị nơi có tập thể, cá nhân lập thành tích làm việc với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan đề thống nhất xét chọn;

Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) hướng dẫn việc xét, đề nghị khen thưởng trong lĩnh vực đối ngoại, đảm bảo thống nhất chung.

4. Khen thưởng về thành tích công hiến:

- Đối với cán bộ lãnh đạo đủ tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng đang đương chức đã đến tuổi nghỉ chế độ (đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc sẽ nghỉ hưu khi hết nhiệm kỳ, thời gian bổ nhiệm có thông báo của cơ quan có thẩm quyền); các Sở, ban ngành hoặc Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy nơi có cán bộ công tác, làm việc với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để lập hồ sơ đề nghị khen thưởng.

- Đối với cán bộ lãnh đạo đủ tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng đã nghỉ chế độ mà chưa được khen thưởng (kể cả trường hợp đã hy sinh, tử trận) thì các Huyện ủy, Thành ủy hoặc cơ quan đang quản lý hồ sơ cán bộ làm việc với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để lập hồ sơ đề nghị khen thưởng.

5. Khen thưởng đột xuất thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Thông tư 07/2014/TT-BNV.

6. Về khen thưởng một số trường hợp khác:

a) Để ghi nhận sự đóng góp của các tập thể, cá nhân vào quá trình phát triển của tỉnh, ngành, huyện, thành phố; Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng Bằng khen nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống trong năm chẵn (năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là "0") hoặc năm tròn (năm có chữ số cuối cùng là "5") của tỉnh, ngành, huyện, thành phố.

b) Các cơ quan, đơn vị Trung ương quản lý theo ngành, lĩnh vực có tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; hằng năm, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc đủ tiêu chuẩn khen thưởng.

7. Các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt các nhiệm vụ, tác động tích cực đến phong trào thi đua của ngành, lĩnh vực hoặc huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị; xã phường, thị trấn thì thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị xem xét khen và thưởng theo thẩm quyền.

Mục II

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 10. Các hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng

1. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân của các cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 41, khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng 2013 và Điều 25 Nghị định 65/2014/NĐ-CP.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 24, Nghị định 65/2014/NĐ-CP.

+ Trong một năm, một đối tượng không đề nghị quá hai lần tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (đối với khen thưởng theo công trạng và khen thưởng chuyên đề), trừ khen thưởng đột xuất;

+ Không xét khen thưởng đối với các sở, ngành, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh có tỷ lệ trình khen thưởng quá 50% đối với cán bộ, công chức quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên; các doanh nghiệp không thực hiện đúng nghĩa vụ nộp ngân sách và chính sách đối với người lao động.

- Về tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức: thực hiện theo Điều 58 Luật Cán bộ, công chức hoặc Điều 42, Luật Viên chức;

Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Về việc khen thưởng hộ gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, căn cứ tình hình thực tế của huyện, thành phố và tiêu chuẩn khen thưởng, hàng năm các địa phương lựa chọn từ 03 đến 05 gia đình tiêu biểu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (trừ trường hợp đột xuất).

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế của địa phương xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể.

- Các cá nhân hiến máu nhân đạo, Hội Chữ thập đỏ tỉnh lựa chọn trong số các cá nhân có từ 05 lần hiến máu liên tục trở lên đề nghị khen thưởng.

c) Khen thưởng thành tích đột xuất:

Những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, nghiên cứu khoa học; chiến đấu, phục vụ chiến đấu, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản Nhà nước và nhân dân, góp phần làm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn; đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, tham gia có hiệu quả các hoạt động từ thiện và hoạt động xã hội có tác dụng ảnh hưởng đối với tỉnh được các cơ quan, địa phương xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

d) Thời hạn nộp hồ sơ: khen thưởng theo chuyên đề nộp hồ sơ trước khi hội nghị tổng kết chuyên đề 10 ngày; khen thưởng đột xuất nộp hồ sơ ngay sau khi lập công trạng; khen thưởng nhân kỷ niệm ngày thành lập, truyền thống của địa phương, ngành vào năm chẵn (năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là "0") hoặc năm tròn (năm có chữ số cuối cùng là "5") khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận tổ chức lễ kỷ niệm; hồ sơ nộp trước 10 ngày tổ chức lễ kỷ niệm.

3. Huy hiệu của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Tặng cho các cá nhân có đóng góp vào sự phát triển tỉnh Lâm Đồng quy định tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng 2013 và quy định cụ thể của UBND tỉnh.

4. Khen thưởng bậc cao của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước:

a) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: thực hiện quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phối hợp với Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn xây dựng tiêu chí, đánh giá mô hình làm căn cứ tiêu chuẩn khen thưởng cho nông dân.

b) Huân chương Lao động: thực hiện quy định tại khoản 18, khoản 19, khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

c) Huân chương Độc lập: thực hiện theo khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

d) Danh hiệu vinh dự Nhà nước: thực hiện theo Điều 58, Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và khoản 30, khoản 31, khoản 32, khoản 33, khoản 34, khoản 35, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

đ) Các hình thức khen thưởng khác của Nhà nước:

Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công các hạng; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc các hạng; Huân chương Chiến công các hạng; Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Huân chương Dũng cảm; Huân chương Hữu nghị, Huy chương HỮU NGHỊ; “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”; khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và các hình thức khen thưởng khác thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và các quy định hiện hành có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Chương IV

THƯ ĐỘNG VIÊN, THƯ KHEN

Điều 11. Thư động viên, thư khen

1. Đề động viên các phong trào thi đua của các cơ quan, địa phương, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, công trình trọng điểm và giải quyết các vấn đề bức thiết của tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh xem xét đề nghị của các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh tổ chức phát động thi đua và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để gửi thư động viên đến từng trường hợp cụ thể khi xét thấy cần thiết.

2. Nhằm biểu dương kịp thời nhân tố mới trong thực hiện phong trào thi đua và “Gương người tốt, việc tốt” có ảnh hưởng trong phạm vi toàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét đề nghị của các cơ quan, địa phương, đơn vị và

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để gửi thư khen đến từng trường hợp cụ thể khi xét thấy cần thiết.

Chương V

TẶNG THƯỞNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI, THÀNH TÍCH CAO, CÔNG TRẠNG LỚN

Điều 12. Tặng thưởng công trình phúc lợi

1. Hàng năm, UBND tỉnh xét tặng thưởng 01 công trình phúc lợi trị giá 05 tỷ đồng cho một đơn vị cấp huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua của các cụm thi đua huyện, thành phố thuộc tỉnh.

2. Tặng 50 triệu đồng/tập thể cho 06 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua trong tỉnh (không bao gồm địa phương đã được tặng thưởng công trình phúc lợi 05 tỷ đồng); trong đó có 01 đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo. Tập thể được nhận tiền thưởng sử dụng vào chỉnh trang công sở hoặc mua sắm thiết bị phục vụ công tác.

Điều 13. Tặng thưởng đạt thành tích cao, công trạng lớn

1. Các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, giải thi quốc gia, quốc tế được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng Bằng khen và thưởng tiền cho từng trường hợp cụ thể.

2. Các tập thể, cá nhân dũng cảm cứu người bị nạn, có thành tích xuất sắc trong việc cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ tài sản của Nhà nước và công dân, đạt thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu sẽ được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét khen thưởng trên cơ sở đề xuất của cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua thực hiện từ Điều 77 đến Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 45, khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng danh hiệu thi đua “Lao động tiên tiến” và tặng giấy khen; đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể và các cá nhân thuộc tổ chức mình.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu thi đua, tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trên địa bàn

4. Thẩm quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 15. Thủ tục, hồ sơ xét đề nghị khen thưởng

1. Khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước:

Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng 2013 và khoản 10, khoản 12 Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị của cơ quan, địa phương, đơn vị trình khen thưởng;
- b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình khen thưởng;
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.
- d) Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền kèm theo
 - Đối với đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là Giấy chứng nhận sáng kiến, đề tài;
 - Đối với các hình thức khen thưởng bậc cao là Giấy chứng nhận phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

Phần kê khai các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và văn bản công nhận thành tích trong công tác, làm việc phải ghi rõ số quyết định (văn bản), ngày, tháng, năm ban hành và cơ quan ký văn bản.

- Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ gồm 03 bản thành tích (02 bản trình Trung ương, 01 bản lưu tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gồm 03 bản thành tích chi tiết (02 bản trình Trung ương, 01 bản lưu tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh); kèm theo 03 bản sao y chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài.

+ Huân chương các loại gồm 04 bản thành tích chi tiết (03 bản trình Trung ương, 01 bản lưu tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh)

- Các trường hợp đặc biệt:

+ Những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước khi trình khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên cho tập thể và cá nhân thì Thủ trưởng đơn vị phải có xác nhận của cơ quan Thuế trực tiếp quản lý doanh

nghiệp về việc hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước trong mốc thời gian đề nghị khen thưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 39/2012/NĐ-CP (số bản xác nhận bằng số bản báo cáo thành tích).

+ Đối với khen thưởng theo chuyên đề phải có văn bản chấp thuận của Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian nộp hồ sơ:

+ Các danh hiệu thi đua: Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” hạn cuối cùng nộp hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh là ngày 31 tháng 01, riêng hệ thống Giáo dục - Đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 7;

+ Các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại.

Đợt 1: Nộp hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng 01.

Đợt 2: Nộp hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất là ngày 30 tháng 7.

2. Khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh:

Hồ sơ đề nghị khen thưởng 01 bộ gồm :

a) Tờ trình của cơ quan, địa phương, doanh nghiệp, đơn vị hoặc trường cụm, khối thi đua (kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; ghi rõ tên của tập thể, đơn vị; tên, giới tính, chức vụ công tác của cá nhân);

b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen hoặc của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh.

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng.

d) Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền kèm quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng 2013, cụ thể như sau:

- Đối với đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” là Giấy chứng nhận sáng kiến, đề tài, giải pháp quản lý;

- Đối với đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh là Giấy chứng nhận phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo, giải pháp quản lý.

Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng: các cơ quan, địa phương, đơn vị hoàn tất hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng thành tích công tác của năm đề nghị khen thưởng gửi UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất là trước ngày 01 tháng 3 của năm sau liền kề (các trường hợp quá hạn sẽ không được xem xét).

Riêng ngành Giáo dục - Đào tạo xét khen thưởng sau khi kết thúc năm học, hạn cuối nhận hồ sơ là ngày 15 tháng 8 hằng năm.

3. Hồ sơ thủ tục khen thưởng:

- Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại khoản 20, Điều 1, Nghị định 39/2012/NĐ-CP.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân hoặc người khuyết tật thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Riêng hồ sơ đề nghị tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị, cá nhân đạt thành tích xuất sắc tham gia phục vụ các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh; hồ sơ khen thưởng gồm văn bản đề nghị và biên bản họp xét của ban chỉ đạo hoặc ban tổ chức cấp tỉnh.

4. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng:

Căn cứ theo dấu bưu điện hoặc văn thư ký nhận, trong vòng 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng.

5. Hiệp y khen thưởng :

a) Việc hiệp y đề nghị cấp Nhà nước khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 15, Điều 53, Nghị định 42/2010/NĐ-CP do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện;

UBND tỉnh có văn bản hiệp y khi có đề nghị bằng công văn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc Bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Tuyến trình khen thưởng

1. Sau khi kết thúc tổng kết công tác, làm việc hàng năm (năm học) hoặc tổng kết phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động; các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh tổ chức họp xét khen thưởng theo thẩm quyền và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cấp mình quản lý.

2. Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại các khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, Điều 53 Nghị định 42/2010/CP-CP và Điều 20 Thông tư 07/2014/TT-BNV.

Riêng về tuyến trình đối với công đoàn ngành của các đơn vị thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Ban Thi đua - Khen thưởng thống nhất với Liên đoàn Lao động tỉnh về tổ chức trình khen thưởng.

Chương VII

TỔ CHỨC LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 17. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, ngành, các đơn vị; Ban Thi đua - Khen thưởng; tổ chức và biên chế cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp.

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, Hội đồng có 15 thành viên; thành phần gồm đại diện lãnh đạo

một số Ban xây dựng Đảng, Mặt trận, các đoàn thể và Sở, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh và 01 Phó Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

Ban Thi đua - Khen thưởng là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, ban ngành, Mặt trận và các đoàn thể thuộc tỉnh, các đơn vị, doanh nghiệp do thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng; Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên (đối với các cơ quan, đơn vị có nhiều chi cục, trung tâm, đơn vị sự nghiệp, đơn vị trực thuộc thì Hội đồng có từ 11 đến 13 thành viên; gồm đại diện cấp ủy, lãnh đạo đơn vị, các đoàn thể, bộ phận quản lý tổ chức nhân sự và các phòng, ban liên quan; Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng bộ phận phụ trách thi đua, khen thưởng của đơn vị.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện do Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng; Hội đồng có từ 11 đến 13 thành viên gồm đại diện lãnh đạo UBND, đại diện các cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, các phòng ban; Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng phòng Nội vụ.

Phòng Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

d) Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các sở, ban ngành, doanh nghiệp, đơn vị thuộc tỉnh quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã hoặc các đơn vị trực thuộc.

đ) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, các cấp hoạt động theo quy chế do thủ trưởng đơn vị quyết định ban hành; có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng như đề xuất chủ trương, xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua; sơ kết, tổng kết, đề xuất khen thưởng; đề nghị sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách, hình thức, tiêu chuẩn thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền, phù hợp với tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị;

2. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3. Tổ chức, chức năng nhiệm vụ của bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng; biên chế cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng cấp huyện, cấp xã thực hiện quy định tại Nghị định số 122/2005/NĐ - CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng và Nghị định số 37/2014/NĐ - CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Riêng đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, căn cứ vào tình hình thực tế người đứng đầu các doanh nghiệp, tổ chức xây dựng tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự làm công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp.

Điều 18. Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh; Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học cấp cơ sở

1. Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND tỉnh, Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và 01 Phó Chủ tịch là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; thành phần gồm đại diện cho một số Ban xây dựng Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, các Sở, ngành thuộc tỉnh. Ban Thi đua - Khen thưởng là cơ quan Thường trực của Hội đồng.

Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh có nhiệm vụ xem xét, đánh giá công nhận thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài của các cá nhân có tác dụng ảnh hưởng đối với tỉnh; đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” hoặc làm tiêu chuẩn của cá nhân để trình cấp có thẩm quyền xem xét tặng Huân chương Lao động các hạng quy định tại điểm b, khoản 1 các Điều 15, 16, 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Hội đồng giúp Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học phải đạt hiệu quả cao, có tác dụng ảnh hưởng trong toàn quốc; đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, địa phương, đơn vị có thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thành lập và ban hành quy chế hoạt động theo quy định tại Khoản 45, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

- Hội đồng sáng kiến xét, đánh giá và công nhận các loại giải pháp (kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật) được đăng ký có đáp ứng được các tiêu chí hay không, theo quy định của Điều lệ sáng kiến.

- Hội đồng khoa học cơ sở xem xét, đánh giá, thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dưới dạng đề tài, đề án, dự án, chương trình) từ khi bắt đầu thực hiện đến kết quả triển khai áp dụng theo quy định của các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh.

Căn cứ tình hình cụ thể các cơ quan, địa phương, đơn vị có thể thành lập chung một hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở.

- Hội đồng có nhiệm vụ xét, công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài của các cá nhân có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi sở ban ngành và đoàn thể thuộc tỉnh, huyện, thành phố, đơn vị, doanh nghiệp; đề nghị thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; hoặc làm tiêu chuẩn của cá nhân để trình cấp có thẩm quyền xem xét tặng Bằng khen của Thủ

tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại điểm c, khoản 1 các Điều 23, Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Hội đồng giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học phải đạt hiệu quả, có tác dụng ảnh hưởng trong tỉnh; đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

Điều 19. Cụm, khối thi đua thuộc tỉnh

1. Các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Các cụm, khối thi đua có trách nhiệm xây dựng quy định tổ chức hoạt động. Kết thúc năm công tác (hoặc năm học) tiến hành tổng kết, bình xét các đơn vị đề nghị tặng cờ thi đua của UBND, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Việc phân chia cụm, khối thi đua trên cơ sở tiêu chí thi đua của các cơ quan, địa phương, đơn vị có những đặc điểm tương đồng, cụ thể như sau:

a) Cụm thi đua gồm:

- Các cụm thi đua huyện, thành phố thuộc tỉnh;

- Cụm thi đua đơn vị cấp xã, mỗi cụm thi đua từ 5 đến 7 đơn vị; mỗi huyện, thành phố không quá 3 cụm. Riêng các huyện Đam Rông, Lạc Dương mỗi địa phương có 2 cụm.

b) Các khối thi đua cơ quan, đoàn thể, đơn vị thuộc tỉnh; đơn vị thuộc các sở ngành, UBND cấp huyện:

- Các khối thi đua các cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh;

- Các Khối thi đua Sở, ngành quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực; khối thi đua các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;

- Khối thi đua các trường đào tạo thuộc tỉnh;

- Các khối thi đua các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Khối các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng tại địa phương;

- Các khối thi đua đơn vị thuộc các Sở, ngành hoặc UBND cấp huyện:

+ Các cơ sở giáo dục và đào tạo (do Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc UBND các huyện, thành phố quản lý);

Mỗi khối từ 10 đến 15 đơn vị, mỗi huyện không quá 06 khối. Riêng các huyện Lạc Dương, Đam Rông không quá 3 khối; tổng số các trường, trung tâm thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý theo phân cấp được chia ra không quá 7 khối thi đua.

+ Các trung tâm y tế, bệnh viện thuộc Sở Y tế; các trung tâm, chi cục của một số sở, ngành có tính chất đặc thù. Mỗi khối thi đua có từ 10 đến 15 đơn vị.

4. Việc xét, đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hằng năm.

- Về nguyên tắc, mỗi cụm hoặc khối thi đua chỉ được chọn 01 đơn vị tiêu biểu dẫn đầu đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh, chọn các đơn vị trong cụm, khối thi đua đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; không nhất thiết cụm, khối nào cũng có đơn vị được tặng cờ thi đua; số tập thể được tặng cờ thi đua và bằng khen không quá 50% trong tổng số đơn vị của cụm, khối.

Việc theo dõi, đánh giá và đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” cho các đơn vị trên thuộc các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố do thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị.

- Chọn không quá 20% số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Việc bình xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh, tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức thực hiện (không bao gồm việc xét tặng cờ thi đua tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề, phong trào thi đua nước rút).

Điều 20. Về thang bảng điểm thi đua, chấm điểm thi đua, bình xét công tác thi đua, khen thưởng

Ban Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng thang bảng điểm thi đua, chấm điểm thi đua, bình xét thi đua, khen thưởng; hoạt động của các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh theo văn bản chỉ đạo của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 21. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 67, Điều 68, Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

Khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp quỹ thi đua, khen thưởng các cấp theo quy định tại Điều 94, Luật Thi đua, khen thưởng 2003.

2. Quyết định khen thưởng về thành tích ủng hộ vật chất, kinh phí sẽ không chi tiền thưởng mà thay bằng tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng ở các cấp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 22. Về mẫu các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng

Thực hiện quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

Các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh khi làm biểu trưng, biểu tượng có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng phải có sự thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 23. Quy định về mẫu báo cáo thành tích khen thưởng; báo cáo công tác thi đua, khen thưởng

1. Nội dung và thể thức văn bản báo cáo thành tích khen thưởng thực hiện quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ;

Về tiêu chuẩn khen thưởng thực hiện quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Thông tư số 07/2014/TT-BNV và các quy định của UBND tỉnh.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị báo cáo công tác thi đua, khen thưởng định kỳ, hằng năm theo quy định của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 24. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

Cơ quan, tổ chức và cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại các Điều 96, Điều 97, Điều 98 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh trong triển khai công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, đơn vị thuộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Cấp ủy, Mặt trận và các đoàn thể cùng cấp tổ chức, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương đơn vị trong phạm vi quản lý.

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh căn cứ chức năng được giao có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh, chủ động phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh đảm bảo các nội dung và điều kiện thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc triển khai các cuộc vận động do ngành dọc ở Trung ương phát động và các phong trào thi đua, chương trình công tác của địa phương;

b) Phối hợp, thống nhất giữa các tổ chức thành viên của Mặt trận, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, các nhà đầu tư nước ngoài tại địa phương tích cực tham gia hưởng ứng thi đua và chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; đề xuất cơ quan nhà nước của tỉnh các giải pháp thực hiện quy định về công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với thực tế của địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của báo, đài và cơ quan thông tin đại chúng, truyền thông của tỉnh

Các cơ quan, đơn vị thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật và quy định của tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện các tập thể, cá nhân, gia đình và cộng đồng dân cư có thành tích trong phong trào thi đua giới thiệu cơ quan có thẩm quyền đề nghị khen thưởng, khen ngợi; đấu tranh với các hành vi, vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)

1. Căn cứ nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong từng giai đoạn, hằng năm và các nhiệm vụ bức thiết, đột xuất của tỉnh tham mưu, đề xuất Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch và biện pháp tổ chức phong trào thi đua.

2. Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể trong công tác đôn đốc và động viên phong trào thi đua, đề xuất công tác khen thưởng và kiến nghị việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng của tỉnh.

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra theo dõi các sở, ban ngành, địa phương, đơn vị và doanh nghiệp thực hiện Quy định này; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Việt